

Số: /BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Tính đến 15 giờ 00 ngày 04/01/2022)

Từ 15 giờ ngày 03/01/2022 đến 15 giờ ngày 04/01/2022: **157 ca mắc mới.**

STT	Mã BN	Năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Đối tượng
1. Ca bệnh cộng đồng: 146 ca					
1.1. Bình Sơn: 42 ca					
1.	1804722	1995	Nam	Tuyết Diêm 3, Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
2.	1804724	1986	Nam	Đội 11, Châu Tử, Bình Nguyên, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
3.	1804725	1977	Nam	Xóm 2, Trì Bình, Bình Nguyên, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
4.	1804727	1987	Nam	Đông Lỗ, Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
5.	1804729	1993	Nam	Hải Ninh, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
6.	1804740	1996	Nam	Tân Hy 2, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân nhà thầu Sông Đà 5 - công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
7.	1804746	1986	Nam	Phước Hòa, Bình Trị, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
8.	1804749	1991	Nam	Mỹ Long Tây, Bình Minh, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
9.	1804750	2000	Nam	Khách sạn Đức Long, Bình Chánh, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
10.	1804737	1993	Nữ	Châu Me, Bình Châu, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
11.	1804753	1990	Nam	Tiên Đào, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
12.	1804771	1988	Nữ	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân Nhà thầu Đại Dũng - công ty Thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
13.	1804772	1968	Nữ	Bầu Chuốc, Bình Chánh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng

14.	1804775	1974	Nam	Vĩnh Trà, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân Nhà thầu Đại Dũng - công ty Thép Hòa Phát, xét nghịệm cộng đồng
15.	1804777	1993	Nam	Thôn 4, Bình Hoà, Bình Sơn	Công nhân Công ty May Hoà Thọ - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
16.	1804786	1995	Nam	Tân Hy 2, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân nhà thầu Thuận Phát - Công ty GE Dung Quất, xét nghịệm cộng đồng
17.	1804787	1991	Nam	Tân Hy 2, Bình Đông, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
18.	1804800	1997	Nữ	Xóm 5, Mỹ Huệ 3, Bình Dương, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
19.	1804801	1980	Nam	Tây Thuận, Bình Trung, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
20.	1804819	1983	Nữ	Giao Thủy, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
21.	1804820	1984	Nữ	Thạch An, Bình Mỹ, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
22.	1804821	2000	Nam	Vĩnh An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
23.	1804823	1996	Nam	Tân Hy 1, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
24.	1804824	1997	Nam	An Quang, Bình Thanh, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
25.	1804825	1994	Nam	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
26.	1804855	1987	Nữ	Phước Thiện 2, Bình Hải, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
27.	1804856	1974	Nữ	Nam Bình 2, Bình Nguyên, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
28.	1804857	1996	Nam	Nam Bình 2, Bình Nguyên, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
29.	1804858	1980	Nam	Nam Bình 2, Bình Nguyên, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
30.	1804859	1981	Nữ	Nam Bình 2, Bình Nguyên, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
31.	1804860	2017	Nữ	Nam Bình 2, Bình Nguyên, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
32.	1804861	1945	Nữ	Nam Bình 2, Bình Nguyên, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
33.	1804862	2011	Nữ	Xóm 1, An Châu, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng

34.	1804863	2000	Nam	TDP 4, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
35.	1804864	1983	Nữ	Xóm 5, Giao Thủy, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	Công nhân Công ty Properwell - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
36.	1804865	1975	Nam	TDP 6, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	F1 BN 1725098, xét nghiệm cộng đồng
37.	1804866	1972	Nam	Trần Thị Khải, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	F1 BN 1725098, xét nghiệm cộng đồng
38.	1804867	1977	Nữ	Long Thanh, Bình Thanh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
39.	1804804	2006	Nữ	Tân Phước, Bình Minh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
40.	1804816	1991	Nữ	Lê Thủy, Bình Trị, Bình Sơn	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
41.	1804806	1969	Nữ	Thôn 1, Bình Hoà, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
42.	1804829	1988	Nam	Bình Trị, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
1.2. Sơn Tĩnh: 33 ca					
43.	1804731	1992	Nữ	Thọ Lộc Tây, Tĩnh Hà, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
44.	1804732	1983	Nữ	Phong Niên Thượng, Tĩnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
45.	1804723	1995	Nam	Đội 5, Thôn Đông, Tĩnh Sơn, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
46.	1804733	1983	Nữ	Thọ Nam, Tĩnh Thọ, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
47.	1804739	1982	Nữ	Đội 3, Phong Niên Hạ, Tĩnh Phong, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
48.	1804741	1967	Nam	Minh Thành, Tĩnh Minh, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
49.	1804744	1985	Nữ	An Lộc, Tĩnh Long, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
50.	1804745	1988	Nam	Thế Long, Tĩnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Nhà thầu Đại Dững - công ty Thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
51.	1804747	1982	Nữ	KTX Cty TNHH, Properwell- Vsip, Tĩnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Properwell - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
52.	1804748	1981	Nam	KTX Cty TNHH Properwell- Vsip, Tĩnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Properwell - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng

53.	1804751	1971	Nam	Cù Và, Tỉnh Giang, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty TNHH DHG Bình Sơn, xét nghiệm cộng đồng
54.	1804755	2000	Nam	Tân An, Tỉnh Đông, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
55.	1804764	2003	Nữ	Bình Nam, Tỉnh Bình, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
56.	1804780	2003	Nam	Đông Hoà, Tỉnh Giang, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
57.	1804794	1988	Nữ	Đức Sơn, Tỉnh Hiệp, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
58.	1804797	1991	Nam	Phong Niên Thượng, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
59.	1804799	1997	Nữ	Thôn Tây, Tỉnh Sơn, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
60.	1804811	1987	Nam	Phú Thành, Tỉnh Trà, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
61.	1804813	1972	Nữ	Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Xindadong Textiles - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
62.	1804870	2000	Nam	Bình Bắc, Tỉnh Bình, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
63.	1804871	1985	Nam	Bình Nam, Tỉnh Bình, Sơn Tĩnh	F1 BN Trần Thị Duy Nhất, xét nghiệm cộng đồng
64.	1804872	1990	Nam	Đội 5 Ngân Giang, Tỉnh Hà, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
65.	1804873	1975	Nam	Đội 5 Ngân Giang, Tỉnh Hà, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
66.	1804874	1995	Nữ	Thọ Lộc Tây, Tỉnh Hà, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty SUMIDA - KCN Tỉnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
67.	1804875	2000	Nam	Phong Niên Thượng, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
68.	1804842	1983	Nữ	Thọ Trung, Tỉnh Thọ, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
69.	1804783	1988	Nữ	Đội 18, Diên Niên, Tỉnh Sơn, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
70.	1804784	1989	Nữ	Đội 8, Bình Bắc, Tỉnh Bình, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
71.	1804817	1981	Nam	Khu Chung cư VSIP, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
72.	1804836	1985	Nam	Tỉnh Sơn, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
73.	1804837	1974	Nam	Tỉnh Hà, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng

74.	1804839	1973	Nam	Tịnh Hà, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty May Hoà Thọ - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
75.	1804840	1981	Nam	Tịnh Hà, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
1.3. TP Quảng Ngãi: 30 ca					
76.	1804742	1997	Nữ	Liên Hiệp 2B, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
77.	1804730	1994	Nam	Tăng Long, Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
78.	1804743	1995	Nữ	Cộng Hoà 1, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Giáo viên Trường Mầm Non Hoà Mi Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, xét nghiệm cộng đồng
79.	1804736	1997	Nữ	Đội 9, Độc Lập, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, F1 BN 1691269, xét nghiệm cộng đồng
80.	1804738	1990	Nữ	Xuân An, Tịnh Hòa, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
81.	1804757	2002	Nam	Tổ 8, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
82.	1804758	1995	Nam	Võ Nguyên Giáp, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Trung Việt - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
83.	1804761	1999	Nam	Quang Trung, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
84.	1804778	1999	Nam	An Lộc, Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
85.	1804776	1974	Nam	Tổ 8, Trần Phú, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
86.	1804792	1987	Nữ	Trường Thọ Tây, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty SUMIDA - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
87.	1804793	1992	Nam	Quyết Thắng, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
88.	1804798	1979	Nam	Tổ 5, Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
89.	1804807	1975	Nữ	Tổ 1, Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
90.	1804808	2011	Nam	Trường Thọ Đông A, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng

91.	1804809	2004	Nam	Trường Thọ Đông A, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
92.	1804810	1994	Nam	Tổ 6, Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
93.	1804812	1984	Nam	Tân An, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Công nhân Khải Long, xét nghiệm cộng đồng
94.	1804815	1998	Nữ	Đoàn Kết, Tịnh Ấn Đông, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
95.	1804827	1999	Nữ	Tổ 8, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	NVYT PXN Thiện Nhân, xét nghiệm cộng đồng
96.	1804818	1976	Nữ	Đội 6, Cộng Hòa 1, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
97.	1804805	1948	Nữ	Trường Thọ Đông A, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
98.	1804781	1986	Nữ	Tổ 8, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Kế toán BV Sản Nhi tỉnh, xét nghiệm cộng đồng
99.	1804763	1991	Nữ	Cộng Hoà 2, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
100.	1804843	1965	Nữ	Xuân An, Tịnh Hoà, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
101.	1804845	2002	Nam	Tư Cung, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
102.	1804830	2002	Nam	Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
103.	1804832	1996	Nữ	Bích Khê, Nghĩa Đông, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
104.	1804835	1991	Nữ	Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
105.	1804838	1990	Nữ	Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty CP Bao bì Việt Hưng - KCN Quảng Phú, xét nghiệm cộng đồng
1.4. Tư Nghĩa: 11 ca					
106.	1804735	1987	Nam	Xóm 2, Hòa Bình, Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, F1 BN 1772297, xét nghiệm cộng đồng
107.	1804752	1993	Nam	Năng Tây 2, Nghĩa Phương, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
108.	1804754	1975	Nam	An Hòa, Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
109.	1804756	1947	Nữ	Điền Long, Nghĩa Điền, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng

110.	1804795	1998	Nữ	Khối 4, Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng
111.	1804796	1985	Nữ	Điện An 3, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng
112.	1804791	2006	Nữ	La Hà 1, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng
113.	1804802	1994	Nữ	Đông Mỹ, Nghĩa Hiệp, Tư Nghĩa	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng
114.	1804833	1984	Nam	Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
115.	1804834	1995	Nữ	Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
116.	1804728	1998	Nam	Điện An, Nghĩa Điện, Tư Nghĩa	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
1.5. Nghĩa Hành: 04 ca					
117.	1804774	1980	Nam	Kỳ Thọ Bắc, Hành Đức, Nghĩa Hành	Xét nghiệm cộng đồng
118.	1804814	1995	Nữ	Phú Vinh Trung, Thị trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng
119.	1804841	1976	Nam	Thị trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Xét nghiệm cộng đồng
120.	1804868	2021	Nam	Đề An, Hành Phước, Nghĩa Hành	F1 BN 1772315, xét nghiệm cộng đồng
1.6. Mộ Đức: 02 ca					
121.	1804773	1998	Nam	Tú Sơn 2, Đức Lân, Mộ Đức	Công nhân Công ty May Hoà Thọ - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
122.	1804779	1975	Nam	KDC 16, Lương Nông Nam, Đức Thạnh, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
1.7. Đức Phổ: 03 ca					
123.	1804803	1989	Nam	An Thạch, Phổ An, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
124.	1804826	1981	Nam	An Thạch, Phổ An, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
125.	1804852	1999	Nam	KDC Bình An, An Thạch, Phổ An, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
1.8. Minh Long: 08 ca					
126.	1804766	1986	Nữ	Hà Liệt, Long Hiệp, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
127.	1804767	2015	Nữ	Hà Liệt, Long Hiệp, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng

128.	1804768	2006	Nữ	Hà Liệt, Long Hiệp, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
129.	1804769	2003	Nữ	Hà Liệt, Long Hiệp, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
130.	1804770	1992	Nữ	Hà Liệt, Long Hiệp, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
131.	1804876	2003	Nam	Mai Lãnh Hạ, Long Mai, Minh Long	Công nhân công ty Giày Rieker - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
132.	1804877	1994	Nam	Mai Lãnh Hạ, Long Mai, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
133.	1804878	2003	Nam	Yên Ngựa, Long Sơn, Minh Long	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.9. Sơn Hà: 06 ca					
134.	1804782	2006	Nữ	Canh Mo, Sơn Nham, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
135.	1804765	2004	Nam	Gò Chu, Sơn Thành, Sơn Hà	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
136.	1804760	1947	Nữ	Xóm Hoãn, Gò Chu, Sơn Thành, Sơn Hà	F1 BN 1772347, xét nghiệm cộng đồng
137.	1804844	2000	Nữ	Làng Gon, Sơn Thủy, Sơn Hà	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
138.	1804831	1996	Nam	Sơn Thành, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
139.	1804726	1995	Nam	Đèo Ron, Sơn Hạ, Sơn Hà	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
1.10. Trà Bồng : 07 ca					
140.	1804846	1997	Nữ	KDC7, TDP 4, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
141.	1804847	1997	Nữ	Tổ 4, Thôn Vuông, Trà Thanh, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
142.	1804848	1974	Nam	Bình Tân, Trà Bình, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
143.	1804849	1970	Nam	Bình Đông, Trà Bình, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
144.	1804850	2003	Nam	Bình Tân, Trà Bình, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
145.	1804851	2003	Nam	Bình Tân, Trà Bình, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
146.	1804762	2000	Nam	TDP 3, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Công nhân công ty Millenium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
2. Xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà: 06 ca					

147.	1804788	1991	Nam	Đông Lễ, Bình Thuận, Bình Sơn	F1 BN 1663272, công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
148.	1804785	2012	Nam	Tân Hy 1, Bình Đông, Bình Sơn	F1 BN 174139, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
149.	1804789	1994	Nữ	Đông Bình, Bình Đông, Bình Sơn	F1 BN 1663200, công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
150.	1804790	2021	Nam	Đông Thuận, Bình Trung, Bình Sơn	F1 BN 1663335, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
151.	1804853	2011	Nữ	Thôn 4, Bình Hòa, Bình Sơn	F1 BN 1710360, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
152.	1804854	2014	Nữ	Thôn 4, Bình Hòa, Bình Sơn	F1 BN 1710360, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
3. Ngoại tỉnh về: 05 ca					
153.	1804822	1994	Nam	Dương Đoàn, Tâm Dân, Phú Ninh, Quảng Nam	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
154.	1804759	2019	Nam	Tổ 9, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
155.	1804734	1967	Nam	Năng Tây 3, Nghĩa Phương, Tư Nghĩa	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
156.	1804828	1988	Nam	An Dương Vương, Trần Phú, TP Quảng Ngãi	Hà Nội về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
157.	1804869	1995	Nam	An Sơn, Hành Dũng, Nghĩa Hành	Ninh Thuận về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2

I. Tổng hợp tình hình dịch bệnh COVID-19

- Tổng số ca mắc mới trong ngày: **157**, Tổng số ca khỏi bệnh trong ngày: **81**; số ca tử vong trong ngày: 00.

- Số ca mắc COVID-19 tại tỉnh từ ngày 01/01/2021 đến nay: **6.405** ca bệnh. Trong đó: Tổng số ca hiện đang điều trị **1.887** (tại nhà: **1.620**; tại khu cách ly F0 tập trung: **117**; tại bệnh viện: **150**); Số ca khỏi bệnh: **4.492** (tại nhà: 555; tại khu cách ly F0 tập trung: 222; tại bệnh viện: 3.715); Số bệnh nhân tử vong: **26**.

- Hoạt động truy vết từ ngày 26/6/2021 đến nay đã xác định: 15.997 trường

hợp F1, 40.612 trường hợp F2.

- Đang cách ly tập trung: 05 người.
- Đang cách ly tại nhà: 8.234 người.
- Công tác thu dung, điều trị:

*** Tại Bệnh viện:**

Cơ sở điều trị	Số bệnh nhân vào viện trong ngày	Số bệnh nhân ra viện trong ngày	Tổng số bệnh nhân hiện có	Phân loại (số lượng, %)				
				Không triệu chứng	Nhẹ	Vừa	Nặng	Nguy kịch
Cơ sở 1	8	1	89	0	79 (88,8%)	10 (11,2%)	0	0
Cơ sở 2	8	7	61	11 (18,0%)	37 (60,7%)	8 (13,1%)	5 (8,2%)	0
Tổng cộng	16	8	150	11 (7,3%)	116 (77,4%)	18 (12,0%)	5 (3,3%)	0

*** Tại khu cách ly tập trung F0:** Số ca tiếp nhận trong ngày: 10; số ca khỏi bệnh trong ngày: 7; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **117**; số ca khỏi bệnh: 222.

*** Tại nhà:** Số ca ghi nhận trong ngày: 131; số ca khỏi bệnh trong ngày: 66; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **1.620**; số ca khỏi bệnh: 555.

- Tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

- + Tổng số vắc xin theo Quyết định phân bổ của Bộ Y tế: 1.892.644 liều.
- + Tổng số vắc xin tỉnh đã nhận: 1.892.644 liều.
- + Lũy tích số người tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin: **858.813** người (đạt tỷ lệ 99,1% số người từ 18 tuổi trở lên).
- + Lũy tích số người tiêm 2 mũi vắc xin: **833.738** người (đạt tỷ lệ 96,2% số người từ 18 tuổi trở lên).
- + Số người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm chủng mũi nhắc lại: **8.343** người (đạt tỷ lệ 1,0%)
- + Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 1 mũi vắc xin: **108.327** trẻ (đạt tỷ lệ 94,6%).
- + Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 2 mũi vắc xin: **21.054** trẻ (đạt tỷ lệ 18,4%).

II. Nhận định tình hình

1. Tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận số lượng lớn công dân từ các tỉnh phía Nam và từ các vùng dịch khác trở về địa phương; đồng thời, khởi động lại các hoạt động kinh tế-xã hội điều này cũng làm gia tăng ca bệnh.

Hiện nay thời tiết đang trong giai đoạn chuyển mùa Đông Xuân, đồng thời sắp tới là Tết Nguyên đán làm tăng số lượng người Quảng Ngãi về quê; tâm lý của một số người dân chủ quan khi đã tiêm đủ liều vắc xin, gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch.

Tình hình dịch COVID-19 tại TP Quảng Ngãi, các huyện Sơn Hà, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và các khu công nghiệp có diễn biến phức tạp.

2. Theo quy định của UBND tỉnh tại Công văn số 6997/UBND-KGVX ngày 22/12/2021 về thực hiện cách ly y tế trong tình hình mới nhằm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, các trường hợp F1 và người từ vùng dịch về đều cách ly tại nhà, đồng thời việc quản lý, điều trị F0 tại nhà theo Quyết định 2052/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch “ Tổ chức, thực hiện quản lý và chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú” trên địa bàn tỉnh; việc cách ly điều trị F0 tại nhà cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý, giám sát chặt chẽ bệnh điều trị tại nhà. Đồng thời người bệnh và gia đình cần thực hiện nghiêm túc các quy định cách ly điều trị tại nhà nếu không sẽ lây lan dịch cho những người trong gia đình và cộng đồng.

III. Một số kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị các cơ quan truyền thông: Tăng cường và đa dạng công tác tuyên truyền vận động để người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19. Lưu ý việc người dân thực hiện khai báo y tế trung thực, thực hiện tốt 5K; khi có triệu chứng ho, sốt, đau họng, khó thở, mất vị giác, khứu giác thì liên hệ y tế gần nhất để được tư vấn và xét nghiệm SARS-COV-2.

Truyền thông về lợi ích, tính an toàn của vắc xin và những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra sau khi tiêm để người dân hiểu rõ, hiểu đúng và tự nguyện tiêm chủng.

2. Đề nghị các địa phương:

- Chính quyền địa phương, Tổ phòng, chống dịch COVID cộng đồng tăng cường giám sát y tế, cách ly y tế tại cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0; thực hiện thông báo để cộng đồng biết, hỗ trợ. Các trường hợp vi phạm quy định giám sát y tế, cách ly điều trị tại nhà thì xử lý nghiêm theo quy định.

Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định, phê duyệt điều kiện đảm bảo giám sát y tế, cách ly y tế nơi cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0 theo quy định của Bộ Y tế và của UBND tỉnh.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các trạm y tế lưu động; sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, thuốc để kịp thời hỗ trợ F0 điều trị tại nhà khi cần thiết.

- Tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định phòng, chống dịch của tổ chức, cá nhân nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, bến xe, nơi tập trung đông người...

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19. Tổ chức tiêm vét vắc xin, thành lập tổ tiêm lưu động đi từng ngõ, gõ cửa từng nhà, rà từng người thuộc nhóm nguy cơ cao, thực hiện tiêm ngay tại nhà baorddamr không bỏ sót ai thuộc nhóm nguy cơ cao mà không tiêm vắc xin đầy đủ (trừ những người chống chỉ định); đảm bảo 100% người từ 18 tuổi trở lên tiêm đủ hai mũi trong tháng 12/2021. Triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho 100% trẻ em 12-17 tuổi tiêm đủ 02 mũi trong tháng 01/2022. Khẩn trương tiến hành tiêm vắc xin phòng COVID -19 mũi nhắc lại và mũi bổ sung cho người đã tiêm đủ 02 mũi vắc xin.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ nhóm nguy cơ cao trên địa bàn, tổ chức chăm sóc, theo dõi sức khỏe, xử lý và điều trị ngay khi phát hiện mắc COVID-19 theo đúng hướng dẫn phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-COV-2, để giảm tỷ lệ chuyển nặng và giảm tỷ lệ tử vong.

Sở Y tế kính báo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- Các cục: QLKCB, YTDP (báo cáo);
- Viện Pasteur Nha Trang (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Trung tâm Chỉ huy PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo TU;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Các phòng CN Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- TTYT các huyện, tx, tp;
- VP Sở đăng Website;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Minh Đức

Phụ lục: Phân bố ca bệnh theo địa phương

Huyện	Cộng đồng	Sàng lọc B.Viện	Khu phong toả	Khu cách ly	Nhập cảnh	Tổng số
Bình Sơn	964	26	69	408	11	1478
Sơn Tịnh	292	11	25	188	0	516
Thành Phố	672	26	242	772	0	1712
Tư Nghĩa	396	3	33	305	0	737
Nghĩa Hành	84	1	22	93	0	200
Mộ Đức	104	3	67	223	0	397
Đức Phổ	105	9	122	401	0	637
Trà Bồng	94	1	8	76	0	179
Lý Sơn	1	0	3	7	0	11
Sơn Hà	117	5	64	129	0	315
Sơn Tây	10	4	0	29	0	43
Minh Long	59	2	0	7	0	68
Ba Tơ	35	1	1	75	0	112
Tổng	2933	92	656	2713	11	6405